

Số 03 - QĐ/HĐXDHCT

QUYẾT ĐỊNH
về việc công nhận sinh viên đại học hệ chính quy đủ điều kiện
học cùng lúc hai chương trình
(Đợt 1, năm 2024)

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 384-QĐ/TU ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức hoạt động đào tạo đại học từ năm học 2016 - 2017;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 230-QĐ-HVCB ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 351-QĐ/HVCB ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố về thành lập Hội đồng xét duyệt sinh viên đủ điều kiện học cùng lúc hai chương trình năm 2024 (Hội đồng XDHCT);

Căn cứ kết quả xét duyệt điều kiện được học cùng lúc hai chương trình của Hội đồng xét duyệt điều kiện học cùng lúc hai chương trình, đợt 1 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận 36 sinh viên đại học hệ chính quy của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh được học cùng lúc hai chương trình, đợt 1 năm 2024, bắt đầu từ học kỳ 1, năm học 2024 – 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình được hưởng quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị; Trưởng phòng Quản lý đào tạo; Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (để thực hiện),
- Ban Giám đốc (để báo cáo),
- Cố vấn học tập (để thực hiện),
- Cổng thông tin điện tử Học viện,
- Lưu Học viện Cán bộ. H(P.QLĐT)

GIÁM ĐỐC

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Tấn Phát





ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH
(Đợt 1, năm 2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 -QĐ/HĐXDHCT ngày 10 tháng 6 năm 2024
của Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học thứ nhất	Mã ngành	Ngành học thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Ghi chú
1	222050019	7	Trần Thị Vân	Anh	16/01/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	40	7.18	2022	Tuyển thẳng		
2	222040019	7	Trần Thị Trâm	Anh	17/6/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	42	7.28	2022	22.9		
3	222050040	7	Nguyễn Ngọc Hồng	Anh	15/7/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7.39	2022	Tuyển thẳng		
4	222020012	7	Nguyễn Ngọc	Châu	13/9/2004	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7.20	2022	24.85		
5	222040061	7	Bùi Hoàng	Duy	04/8/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	45	7.89	2022		23.5	
6	222050014	7	Nguyễn Phạm Thanh	Duy	08/6/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	55	6.81	2022	24.00		
7	222040049	7	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	07/6/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	45	8.01	2022		26.87	
8	222050103	7	Đỗ Quốc	Hưng	22/11/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7.20	2022	23.0		
9	202050004	5	Hồ Lê Nguyên	Khánh	30/9/2002	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	97	7.35	2020		26.53	
10	222050002	7	Thái Nguyễn Đăng	Khoa	14/3/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	8.20	2022	Tuyển thẳng		

STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học thứ nhất	Mã ngành	Ngành học thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Ghi chú
13	222020063	7	Nguyễn Tuấn	Kiệt	31/10/2004	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	52	7.44	2022		24.83	
14	222050022	7	Trần Hoàng Thùy	Lan	01/6/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7.60	2022	22.50		
15	222040014	7	Hồ Nguyễn Khánh	Linh	23/4/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	45	7.70	2022	24.55		
16	222020019	7	Huỳnh Trọng	Nghĩa	03/01/2004	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7.71	2022	26.75		
17	222050015	7	Phan Thị Như	Ngọc	27/8/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7.14	2022	23.5		
18	222020020	7	Lê Hoàng Yến	Nhi	20/01/2004	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7.62	2022		25.95	
19	212040076	6	Phạm Ánh	Nhi	25/10/2003	Công tác xã hội	7760101	Quản lý nhà nước	7310205	73	7.53	2021		24.88	
20	212040049	6	Hứa Hà Kiều	Oanh	10/5/2003	Công tác xã hội	7760101	Quản lý nhà nước	7310205	76	7.20	2021	23.5		
21	222020004	7	Võ Tấn	Sang	08/11/2004	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	60	7.74	2022	21.75		
22	212050108	6	Phan Công	Thắng	09/01/2003	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	84	7.32	2021	26.00		
23	222030149	7	Phạm Hồng Phương	Thảo	04/4/2004	Luật	7380101	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	42	7.23	2022		26.4	
24	222030108	7	Hồ Gia	Thiệu	23/01/2004	Luật	7380101	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	45	7.66	2022	Tuyển thẳng		
25	202012706	5	Tổng Đăng	Thông	02/9/2002	Chính trị học	7310201	Luật	7380101	99	7.21	2020	24.5		
26	222010082	7	Nguyễn Minh	Thông	03/11/2004	Chính trị học	7310201	Luật	7380101	43	7.27	2022		22.6	
27	222050119	7	Tôn Thị	Thuy	22/12/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	43	7.68	2022		28.23	
28	222050118	7	Tôn Thị	Thùy	22/12/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	43	7.69	2022		26.7	

STT	MSSV	Khóa	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành học thứ nhất	Mã ngành	Ngành học thứ hai	Mã ngành	Số tín chỉ tích lũy	Điểm trung bình tích lũy	Năm trúng tuyển chương trình thứ nhất	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét điểm thi THPT	Điểm trúng tuyển theo phương thức xét tuyển học bạ	Ghi chú
29	222050133	7	Lê Hồng Nhựt	Tiến	12/4/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	40	7.18	2022		26.25	
30	222050001	7	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/3/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	7.71	2022		26.25	
31	212040007	6	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	22/4/1999	Công tác xã hội	7310202	Luật	7380101	57	7.79	2021		23.70	
32	222050131	7	Nguyễn Cẩm	Tú	10/11/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	48	7.68	2022	22.45		
33	222020037	7	Nguyễn Thanh	Tùng	07/9/2004	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	7310202	Luật	7380101	46	7.66	2022	24.4		
34	222050091	7	Nguyễn Thị Thu	Tuyền	15/6/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	53	7.27	2022		25.89	
35	222050026	7	Nguyễn Thúy	Vân	03/9/2004	Quản lý nhà nước	7310205	Luật	7380101	45	6.83	2022		27.54	
36	222040052	7	Phan Thanh	Vũ	23/4/2004	Công tác xã hội	7760101	Luật	7380101	45	7.41	2022		24.06	

* Tổng cộng: 36 sinh viên./

Người lập danh sách



Nguyễn Trần Yên Hạ

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



Phạm Ngọc Lợi

